

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.


3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Thu Trang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **18**/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm
2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố (*gọi chung là cấp huyện*).
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2021- 2025.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Điều 4. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho chính quyền các cấp.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn

ngân sách trung ương; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

10. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc phân bổ vốn: thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư công, Điều 4 của Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách địa phương phân bổ cho các huyện, thành phố; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công.

b) Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

- Dành tối đa không quá 30% để phân bổ cho các huyện, thành phố điều hành, không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Dành tối thiểu 70% vốn cân đối ngân sách địa phương để tỉnh điều hành, được phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể theo ngành, lĩnh vực.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố

1. Nguyên tắc phân bổ vốn: thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương trong tỉnh;

b) Các huyện, thành phố chịu trách nhiệm bố trí vốn cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công;

2. Các tiêu chí phân bổ vốn:

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (*không bao gồm nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết*) cho các huyện, thành phố theo 05 nhóm tiêu chí sau đây:

a) Tiêu chí dân số.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển.

c) Tiêu chí diện tích.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã.

đ) Tiêu chí bổ sung.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

a) Tiêu chí dân số trung bình:

Dân số trung bình của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

Số dân trung bình	Điểm
Đến 20.000 người được tính	10
Trên 20.000 người đến 40.000 người, cứ 5.000 người tăng thêm được tính	02
Trên 40.000 người, cứ 5.000 người tăng thêm được tính	01

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 03 tiêu chí:

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019.

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được tính	0,1

- Tiêu chí số thu ngân sách trên địa bàn:

Số thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) để tính điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2020.

Số thu ngân sách trên địa bàn	Điểm
Đến 10 tỷ đồng được tính	04
Trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng được tính	03
Trên 20 tỷ đồng đến 40 tỷ đồng được tính	02
Trên 40 tỷ đồng được tính	01

- Tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên so với tổng chi ngân sách huyện, thành phố:

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên so với tổng chi ngân sách huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào dự toán ngân sách địa phương năm 2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị.

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Điểm
Đến 50% được tính	10
Trên 50%, cứ 10% tăng thêm được tính	01

c) Tiêu chí diện tích, bao gồm 02 tiêu chí:

- Tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 200 km ² được tính	08
Trên 200 km ² đến 500 km ² , cứ 100 km ² tăng thêm được tính	02
Trên 500 km ² , cứ 100 km ² tăng thêm được tính	01

- Tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố:

Tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thành phố để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Đến 60% được tính	0,5
Trên 60% đến 80% được tính	01
Trên 80% trở lên được tính	02

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 02 tiêu chí:

- Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ về số đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020 (tính theo số xã sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn).

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã được tính	0,5

- Tiêu chí số xã thuộc vùng dân tộc miền núi khu vực II, III.

Số đơn vị hành chính cấp xã khu vực II, III để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2020 (tính theo số xã sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn).

Đơn vị hành chính cấp xã khu vực II, III	Điểm
Mỗi xã được tính	0,2

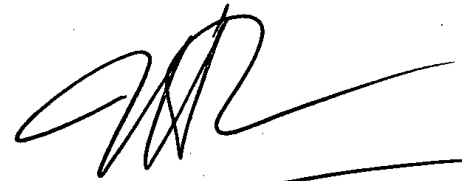
e) Tiêu chí bổ sung:

Số xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến để tính điểm được xác định căn cứ vào số xã được công nhận tại Quyết định 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn 2020 (tính theo số xã sau khi sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn).

Địa phương	Điểm
- 01 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử) cộng thêm	0,1
- Tiêu chí phát triển đô thị	
+ Lên đô thị loại II (thành phố Bắc Kạn) cộng thêm	50
+ Lên thị xã (huyện Chợ Đồn), cộng thêm	20
+ Lên thị trấn (huyện Pác Nặm, huyện Ngân Sơn), mỗi huyện cộng thêm	05
- Tiêu chí bổ sung cho huyện ít được thụ hưởng các chính sách của trung ương và chương trình của tỉnh	
+ Huyện Bạch Thông	10
+ Huyện Chợ Mới	10

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Thu Trang